# TỔNG CTCP NAFOODS GROUP | (NAF - HOSE) Báo cáo cập nhật KQKD

**Kiều Thị Thanh Thư**

Email: thu.kieuthithanh@abs.vn

## THÔNG TIN CƠ BẢN

| | |
|---|---|
| Ngành | : Thực phẩm |
| Ngày báo cáo | : 26/06/2026 |
| Giá hiện tại (VND/CP) | : 50.300 |
| Vốn hóa (Tỷ VND) | : 3.077 |
| SLCPLH (CP) | : 61.181.992 |

## DIỄN BIẾN GIÁ

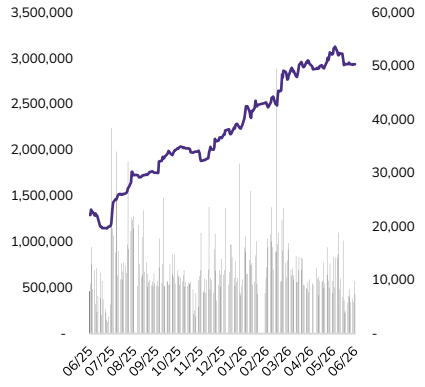


*Nguồn: Fiinpro, ABS Research*

## CHỈ SỐ TÀI CHÍNH

| Chỉ tiêu | 1Q25 | 1Q26 |
|---|---|---|
| Tăng trưởng DTT (%) | 12,6% | 28,4% |
| Tăng trưởng LNST (%) | -5,1% | 364,6% |
| Biên LNG (%) | 16,9% | 24,8% |
| Biên LNST (%) | 3,7% | 13,3% |
| ROA (%) | 4,8% | 8,0% |
| ROE (%) | 10,4% | 22,5% |
| Nợ vay/VCSH (lần) | 1,03 | 1,92 |
| EPS (VND/CP) | 1.545 | 3.033 |
| BVPS (VND/CP) | 16.157 | 13.661 |

*Nguồn: FiinPro, ABS Research*

## Kỳ vọng từ thị trường xuất khẩu và mở rộng công suất

- **Kết quả kinh doanh 2025 cực kì khởi sắc khi doanh thu và lợi nhuận đều phá kỷ lục:**

✓ Doanh thu thuần năm 2025 đạt mức kỷ lục 2.064 tỷ đồng (+43,6% svck) và vượt 4,0% kế hoạch, phản ánh sự phục hồi tích cực của các sản phẩm chủ lực như chanh leo, mít và dứa.

- Xét theo ngành hàng, ngành kinh doanh công nghiệp tiếp tục giữ vai trò chủ lực, với doanh số 1.654 tỷ đồng (+22,5% svck), chiếm 80% tổng doanh thu. Tăng trưởng chủ yếu đến từ các sản phẩm trái cây chủ lực như chanh leo (+31% svck), thanh long (+29% svck), vải (+71% svck) và đặc biệt là sự phục hồi mạnh mẽ của sản phẩm dứa (+571% svck). Bên cạnh đó, nhờ linh hoạt chuyển đổi, doanh số ngành này năm 2025 tại thị trường Châu Âu ghi nhận tăng trưởng 107%, bù đắp hiệu quả cho sự sụt giảm tại thị trường Mỹ do tác động của thuế quan.
- Kinh doanh sản phẩm sấy và tiêu dùng năm qua cũng ghi nhận tăng trưởng đột biến, với doanh thu đạt 326 tỷ đồng, gấp 5 lần cùng kỳ, chiếm 16% tổng doanh thu. Kết quả này chủ yếu đến từ việc phát triển thành công sản phẩm mít sấy giòn tại thị trường Mỹ. Bên cạnh đó, các sản phẩm chanh leo sấy dẻo, xoài sấy dẻo... tiếp tục duy trì đà tăng trưởng tích cực tại các thị trường châu Âu và Nga. Đồng thời, Công ty đã bước đầu phát triển nhãn hàng riêng tại hệ thống siêu thị Emart trong nước, mở ra dư địa mở rộng thị phần tiêu dùng nội địa.
- Ngành giống cây trồng năm 2025 cũng ghi nhận sự phục hồi mạnh mẽ, với doanh thu đạt 83 tỷ đồng, tăng gấp 3 lần cùng kỳ, chiếm 4% tổng doanh thu. Công ty giữ vững vị thế dẫn đầu thị trường với khoảng 70% thị phần, đồng thời tiếp tục khẳng định chất lượng sản phẩm, củng cố niềm tin của hệ thống đại lý và người nông dân

✓ Biên lợi nhuận gộp đạt 22,7%, giảm 5,5 điểm % svck do: (1) giá quả nguyên liệu chanh leo năm 2025 ở mức cao; (2) sản phẩm mít sấy giòn năm 2025 chủ yếu đang gia công thương mại bên ngoài; và (3) công ty chủ động hỗ trợ giảm giá cây giống chanh leo để khuyến khích người nông dân tham gia liên kết, phát triển vùng trồng, nhằm mở rộng vùng nguyên liệu, đảm bảo sản lượng nguyên liệu quả chanh leo cho nhà máy sản xuất.

✓ Chi phí lãi vay tăng cao. Năm 2025, chi phí lãi vay ghi nhận 71,8 tỷ đồng (+38,1% svck) do dư nợ vay trong năm 2025 ở mức cao svck.

✓ LNST tiếp tục cán mức kỷ lục mới 145,6 tỷ đồng (+25,1% svck), vượt 7,8% kế hoạch đặt ra đầu năm. LNST cổ đông công ty mẹ đạt 145,3 tỷ đồng (+25% svck).

**KẾT QUẢ KINH DOANH CỦA NAF Q1/2026 & NĂM 2025**

| Chỉ tiêu | 1Q25 | 1Q26 | %YoY | 2024 | 2025 | %YoY |
|---|---|---|---|---|---|---|
| Doanh thu thuần | 349,8 | 449,3 | 28,4% | 1.437 | 2.064 | 43,6% |
| Lợi nhuận gộp | 59,0 | 111,3 | 88,7% | 405,6 | 469,0 | 15,6% |
| *Biên LN gộp* | *16,9%* | *24,8%* | | *28,2%* | *22,7%* | |
| Chi phí BH & QLDN | -33,8 | -37,3 | 10,5% | -244,5 | -245,2 | 0,3% |
| *Tỷ lệ Chi phí BH & QLDN/DTT* | *9,7%* | *8,3%* | | *17,0%* | *11,9%* | |
| Doanh thu tài chính | 8,7 | 7,4 | -15,3% | 36,0 | 35,9 | -0,3% |
| Chi phí tài chính | -15,8 | -25,0 | 57,7% | -68,2 | -85,6 | 25,6% |
| *Chi phí lãi vay* | *-13,8* | *-21,5* | *56,2%* | *-52,0* | *-71,8* | *38,3%* |
| Lợi nhuận thuần từ HĐKD | -7,1 | -17,6 | 147,3% | -32,2 | -49,7 | 54,5% |
| Lợi nhuận trước thuế | 18,1 | 56,4 | 211,7% | 129,0 | 174,1 | 35,0% |
| **LNST sau lợi ích CĐ thiểu số** | 17,6 | 69,0 | 291,7% | 140,1 | 173,3 | 23,7% |
| *Biên LN ròng* | **12,9** | **60,0** | **364,6%** | **116,2** | **145,3** | **25,0%** |

*Nguồn: NAF, ABS Research*

- **KQKD Q1/2026 tiếp tục tăng trưởng mạnh svck.**

✓ Doanh thu thuần đạt 449,3 tỷ đồng (+28,4% svck). Trong đó, doanh thu cây giống tăng trưởng mạnh mẽ nhờ nhu cầu trồng trọt tăng cao khi giá chanh leo năm 2025 ở mức cao đồng thời doanh thu các sản phẩm sấy giòn cũng tăng trưởng nhanh chóng đóng góp vào tăng trưởng doanh thu cho công ty.

✓ LNG đạt 111,3 tỷ đồng (+88,7% svck). Biên LNG tăng mạnh 7,9 điểm % so với mức nền thấp quý 1 năm 2025, lên 24,8% trong Q1/2026.

✓ Chi phí lãi vay tiếp tục tăng mạnh 56,2% svck lên 25 tỷ đồng do dư nợ vay ở mức cao so với cùng kỳ.

✓ Lợi nhuận khác ghi nhận 12,6 tỷ đồng (cùng kỳ ghi nhận lỗ 0,5 tỷ đồng). Trong kỳ, NAF ghi nhận khoản lãi mua rẻ 12 tỷ đồng khi NAF Bình Thuận mua lại dự án "nhà máy chế biến gia nhiệt trái cây Thanh Long xuất khẩu và sản xuất trái cây sấy Đông Nam Việt" từ Công ty TNHH XNK Rau Quả Đông Nam Việt.

✓ LNST ghi nhận 60,1 tỷ đồng (+365,1% svck). Với kết quả này, NAF đã hoàn thành 15% kế hoạch doanh thu và 30% kế hoạch lợi nhuận đặt ra cho năm 2026.

- **Tình hình tài chính:**

✓ **Về cơ cấu tài sản:** tại ngày 31/3/2026, tổng tài sản tăng 20% so với cuối năm 2025 lên 2.789 tỷ đồng. Trong đó, tài sản ngắn hạn tăng 39,9% so với cuối năm 2025 lên 1.539 tỷ đồng; tài sản dài hạn tăng nhẹ 2,2% so với cuối năm 2025 lên 1.250 tỷ đồng.

  - ***Các khoản phải thu tăng mạnh và chiếm tỷ trọng lớn.*** Giá trị các khoản phải thu cuối Q1/2026 ở mức 1.012 tỷ đồng (+46% sv cuối năm 2025), chiếm 36,3% TTS. Trong đó, phải thu khách hàng ở mức 482 tỷ đồng (+21,2% sv cuối năm 2025). Phải thu vẫn tập trung ở hai khách hàng lớn nhất là Flagfood Ag và LLc Profi Line Plus với trị giá lần lượt 245,3 tỷ đồng (+94% sv cuối năm 2025) và 66,5 tỷ đồng (-13,7% sv cuối năm 2025), chiếm 50,9% và 13,8% khoản phải thu khách hàng. Trả trước người bán cũng tăng mạnh 78,2% sv cuối năm 2025 lên 235 tỷ đồng. Phải thu khác ghi nhận tăng 144% sv cuối năm 2025 lên 195,3 tỷ đồng do khoản phát sinh khoản đặt cọc mua cổ phần CTCP Đầu tư và Thương mại Green Royal 40 tỷ đồng và tạm ứng nhân viên ghi nhận tăng 57,2 tỷ đồng sv cuối năm 2025.

  - ***Hàng tồn kho tăng.*** Giá trị hàng tồn kho cuối Q1/2026 ở mức 249,2 tỷ đồng (+12,8% sv cuối năm 2025), chiếm 8,9% TTS. Trong đó chủ yếu là thành phẩm trị giá 195 tỷ đồng (+52,7% sv cuối năm 2025).

- ***Chi phí xây dựng cơ bản dở dang tăng mạnh.*** Khoản mục này ghi nhận giá trị 105,6 tỷ đồng (+66,1% sv cuối năm 2025) khi các dự án của Nafoods bao gồm Nhà máy Nafoods Tây Nguyên giai đoạn 4 và nhà máy Nafoods Miền nam giai đoạn 2 đang tiếp tục được hoàn thiện.
- ***Tiền và tương đương tiền tăng mạnh.*** Giá trị tiền và tương đương tiền cuối Q1/2026 ở mức 140 tỷ đồng (+96,6% sv cuối năm 2025), chiếm 5% TTS. Tuy nhiên lượng tiền tăng chủ yếu đến từ vay nợ để tài trợ chi phí hoạt động và đầu tư khi dòng tiền SXKD trong Q1/2026 ở mức âm lớn -172,8 tỷ đồng.

✓ **Về cơ cấu nguồn vốn.** Tại thời điểm cuối Q1/2026, tổng nợ vay ở mức 1.611 tỷ đồng (+26,5% sv cuối năm 2025), chiếm 57,8% tổng nguồn vốn. Trong đó nợ vay ngắn hạn ghi nhận 848 tỷ đồng, +10% sv cuối năm 2025; nợ vay dài hạn ghi nhận 763 tỷ đồng, tăng mạnh +51,8% sv cuối năm 2025. Tỷ lệ D/E tăng từ 1,62 lần cuối 2025 lên 1,92 lần, là mức cao và nhiều rủi ro.

## Triển vọng

Chúng tôi cho rằng triển vọng năm 2026 của NAF là tích cực nhờ:

- **Nhu cầu nông sản Việt Nam tại các thị trường xuất khẩu cho thấy dấu hiệu tích cực.** Theo Tổng cục Thống kê, kim ngạch xuất khẩu rau quả Q1/2026 đạt 1,53 tỷ USD, tăng 31,4% svck. Trong đó, Trung Quốc tiếp tục là thị trường lớn nhất với kim ngạch 778,7 triệu USD (+49,4% svck), chiếm 51% tổng kim ngạch; Mỹ giữ vững vị trí thị trường thứ hai với kim ngạch 130 triệu USD (+16,5% svck); khối thị trường chung Châu Âu xếp thứ ba với kim ngạch lũy kế 89,4 triệu USD (+50,1% svck). Ngoài ra, các thị trường như Campuchia, Ai Cập và Na Uy ghi nhận tăng trưởng 254,7%, 90,9% và 89,5% svck cho thấy nhu cầu quốc tế đối với rau quả Việt vẫn duy trì rất tích cực.
- **Nhu cầu chanh leo tại thị trường xuất khẩu trọng điểm EU được dự báo tăng trưởng.** Xuất khẩu chanh leo của Việt Nam sang EU trong Q1/2026 đạt kim ngạch gần 30,5 triệu USD (+73% svck) và chiếm hơn 25% tổng giá trị xuất khẩu. Xuất khẩu chanh leo tăng trưởng nhờ phù hợp với xu hướng tiêu dùng của thị trường này đồng thời Việt Nam được hưởng lợi thế từ hiệp định EVFTA. Trong khi đó, năm 2026 được kỳ vọng là năm được mùa của chanh leo, giúp nguồn nguyên liệu dồi dào và tối ưu hiệu suất sản xuất.
- **Các dự án sắp đi vào vận hành trong thời gian tới sẽ tăng đáng kể công suất chế biến.** Dự án Nasoco 2 đã được khởi công với quy mô nhà xưởng 6.000 m², tích hợp hệ thống kho lạnh, dây chuyền sấy giòn và sản xuất sấy thăng hoa, dự kiến hoàn thành và đi vào vận hành từ tháng 4/2026, tạo dư địa tăng trưởng trong trung hạn. Tại CTCP Thực phẩm Nghệ An, dự án đầu tư dây chuyền sản xuất dứa cô đặc đang được triển khai, với mục tiêu nâng công suất từ 150 tấn lên 240 tấn nguyên liệu/ngày, đáp ứng nhu cầu gia tăng từ thị trường. Tại CTCP Nafoods Tây Nguyên: Công ty đã hoàn thành dự án nâng cấp công suất tách dịch từ 311 tấn lên 700 tấn quả/ngày. Dự án bao gồm cải tạo hạ tầng, nâng cấp hệ thống xử lý nước cấp và nước thải, đầu tư máy tách dịch, dây chuyền cấp đông, hệ thống chiller cùng các thiết bị liên quan. Việc nâng cấp này góp phần tối ưu hóa hiệu suất dây chuyền, tăng khả năng đáp ứng sản lượng trong mùa vụ cao điểm và nâng cao lợi thế cạnh tranh.
- Giá bán cây giống chanh leo quay về mặt bằng thị trường dự kiến giúp doanh thu và lợi nhuận mảng này của NAF tăng trưởng trở lại.
- NAF triển khai các ngành hàng chiến lược mới gồm sầu riêng, cà phê và dừa, tạo nền tảng tăng trưởng dài hạn khi các sản phẩm nông sản này đang được ưa chuộng tại các thị trường xuất khẩu.
- **Tuy nhiên, công ty phải đối mặt với các rủi ro sau đây:**
  - ✓ Xung đột tại Trung đông khiến giá dầu leo thang, kéo theo chi phí vận chuyển và bảo hiểm logistics tăng cao.

- ✓ Sức khỏe tài chính của công ty đã xấu đi trong Q1/2026 với dòng tiền hoạt động kinh doanh âm lớn, phải thu khách hàng và phải thu khác tăng mạnh, chi phí xây dựng dở dang cũng như hàng tồn kho đều tăng mạnh, có thể gây áp lực lên khả năng thanh toán của công ty.
- ✓ Với mức dư nợ vay đã tăng lên ở mức cao, mặt bằng lãi suất duy trì ở mức tương đối cao sẽ tiếp tục làm tăng chi phí lãi vay, ăn mòn lợi nhuận của doanh nghiệp.

- Với kết quả kinh doanh tăng trưởng tích cực trong quý 1, vốn là quý thấp điểm của nông sản, chúng tôi dự phóng DTT và LNST của cổ đông Công ty mẹ năm 2026F của NAF đạt 2.750 tỷ đồng (+33,3% svck) và 210 tỷ đồng (+45% svck). EPS và BVPS 2026F đạt lần lượt đạt 3.433 đồng/cp và 16.211 đồng/cp, tương ứng với P/E và P/B đạt 14,6 lần và 3,1 lần tại mức giá hiện tại. ROE dự kiến đạt 24%.

## PHỤ LỤC – BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ CÁC CHỈ SỐ CHÍNH CỦA NAF

| Báo cáo KQ HĐKD (Tỷ đồng) | 2022 | 2023 | 2024 | 2025 |
|---|---|---|---|---|
| **Doanh thu thuần** | **1.767** | **1.733** | **1.437** | **2.064** |
| Giá vốn hàng bán | (1.391) | (1.264) | (1.031) | (1.595) |
| **Lợi nhuận gộp** | **376** | **470** | **406** | **469** |
| Doanh thu tài chính | 29 | 35 | 36 | 36 |
| Chi phí tài chính | (49) | (76) | (68) | (86) |
| Chi phí bán hàng | (190) | (135) | (123) | (116) |
| Chi phí QLDN | (66) | (170) | (122) | (129) |
| **Lợi nhuận từ HĐKD** | **98** | **124** | **129** | **174** |
| Lãi/lỗ khác | (12) | (15,3) | (23,7) | (4,2) |
| Lợi nhuận trước thuế | 93 | 132 | 140 | 173 |
| **Lợi nhuận sau thuế** | **80** | **110** | **116** | **146** |
| **LNST cổ đông Công ty mẹ** | **80** | **110** | **116** | **145** |

| Báo cáo LCTT (Tỷ đồng) | 2022 | 2023 | 2024 | 2025 |
|---|---|---|---|---|
| LCT thuần từ HĐKD | 2 | 125 | 108 | 90 |
| LCT thuần từ Hoạt động đầu tư | (60) | (259) | (69) | (198) |
| LCT thuần từ Hoạt động tài chính | 60 | 143 | (48) | 109 |
| **LCT thuần trong kỳ** | **2** | **8** | **(8)** | **0** |
| Tiền & tương đương tiền đầu kỳ | 52 | 54 | 62 | 54 |
| **Tiền & tương đương tiền cuối kỳ** | **54** | **62** | **54** | **55** |

| Chỉ số tài chính | 2022 | 2023 | 2024 | 2025 |
|---|---|---|---|---|
| **Khả năng thanh toán** | | | | |
| Khả năng thanh toán hiện hành | 1,51 | 1,05 | 1,16 | 1,12 |
| Khả năng thanh toán nhanh | 1,25 | 0,58 | 0,73 | 0,67 |
| Khả năng thanh toán tiền mặt | 0,07 | 0,06 | 0,06 | 0,05 |
| Khả năng thanh toán lãi vay | 4,36 | 3,60 | 3,10 | 3,12 |
| **Cơ cấu vốn** | | | | |
| Vốn chủ sở hữu/Tổng tài sản | 0,51 | 0,48 | 0,49 | 0,34 |
| Nợ phải trả/Tổng tài sản | 0,49 | 0,52 | 0,51 | 0,66 |
| Nợ vay/Vốn chủ sở hữu (D/E) | 0,73 | 0,82 | 0,86 | 1,62 |
| **Chỉ số hiệu suất hoạt động** | | | | |
| Số ngày phải thu | 91,64 | 78,81 | 86,76 | 64,77 |
| Số ngày phải trả | 40,95 | 29,80 | 24,09 | 20,28 |
| Số ngày tồn kho | 40,06 | 62,77 | 86,07 | 49,81 |
| **Khả năng sinh lời** | | | | |
| Tỷ suất lợi nhuận gộp | 21,3% | 27,1% | 28,2% | 22,7% |
| Tỷ suất lợi nhuận HĐKD | 5,6% | 7,1% | 9,0% | 8,4% |
| Tỷ suất LNST của cổ đông Công ty mẹ | 4,5% | 6,3% | 8,1% | 7,0% |
| ROE | 9,2% | 11,7% | 11,8% | 16,4% |
| ROA | 4,7% | 5,8% | 5,7% | 6,7% |
| ROIC | 7,2% | 8,5% | 7,6% | 9,9% |

| Bảng cân đối kế toán (Tỷ đồng) | 2022 | 2023 | 2024 | 2025 |
|---|---|---|---|---|
| + Tiền và các khoản tương đương tiền | 54 | 62 | 54 | 55 |
| + Đầu tư ngắn hạn | 12 | 120 | 96 | 122 |
| + Các khoản phải thu ngắn hạn | 908 | 498 | 572 | 615 |
| + Hàng tồn kho | 158 | 267 | 211 | 220 |
| + Tài sản ngắn hạn khác | 35 | 69 | 58 | 106 |
| **Tài sản ngắn hạn** | **1.167** | **1.017** | **991** | **1.117** |
| + Các khoản phải thu dài hạn | 98 | 106 | 134 | 149 |
| + Tài sản cố định | 418 | 664 | 575 | 679 |
| + Bất động sản đầu tư | 0 | 0 | 0 | 0 |
| + Tài sản dở dang dài hạn | 3 | 12 | 6 | 64 |
| + Đầu tư dài hạn | 21 | 2 | 2 | 2 |
| + Tài sản dài hạn khác | 36 | 243 | 321 | 312 |
| **Tài sản dài hạn** | **577** | **1.027** | **1.038** | **1.206** |
| **Tổng Tài sản** | **1.744** | **2.043** | **2.029** | **2.323** |
| + Vay ngắn hạn | 578 | 747 | 692 | 771 |
| + Phải trả người bán | 126 | 80 | 56 | 121 |
| + Nợ ngắn hạn khác | 67 | 138 | 108 | 109 |
| **Nợ ngắn hạn** | **772** | **965** | **856** | **1.001** |
| + Vay dài hạn | 75 | 62 | 156 | 503 |
| + Các khoản phải trả dài hạn khác | 4 | 28 | 32 | 35 |
| **Nợ dài hạn** | **79** | **91** | **187** | **538** |
| **Tổng nợ phải trả** | **852** | **1.055** | **1.044** | **1.539** |
| + Vốn cổ phần | 629 | 629 | 653 | 683 |
| + Thặng dư vốn cổ phần | 67 | 67 | 21 | 0 |
| + Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối | 136 | 231 | 278 | 315 |
| + Quỹ khác | 0 | 0 | 0 | 0 |
| **Vốn chủ sở hữu** | **892** | **988** | **985** | **784** |
| **Tổng cộng nguồn vốn** | **1.744** | **2.043** | **2.029** | **2.323** |

| Tỷ lệ tăng trưởng (%) | 2022 | 2023 | 2024 | 2025 |
|---|---|---|---|---|
| Tăng trưởng doanh thu | 9,4% | -1,9% | -17,1% | 43,6% |
| Tăng trưởng LNTT | 2,8% | 42,5% | 5,8% | 23,7% |
| Tăng trưởng LNST Cổ đông Công ty mẹ | 2,9% | 37,7% | 5,9% | 25,0% |
| Tăng trưởng EPS | 8,3% | 37,7% | 2,0% | 19,6% |
| Tăng trưởng VCSH | 0,0% | 0,0% | 3,8% | 4,5% |
| Tăng trưởng Tổng tài sản | 5,4% | 17,2% | -0,7% | 14,5% |

| Định giá (lần) | 2022 | 2023 | 2024 | 2025 |
|---|---|---|---|---|
| P/E | 12,12 | 11,38 | 23,33 | 23,45 |
| P/B | 1,26 | 1,45 | 3,05 | 4,78 |
| EV/EBITDA | 10,53 | 8,84 | 13,64 | 14,22 |
| EV/Sales | 0,89 | 1,15 | 2,44 | 2,24 |
| EPS (đồng/cp) | 1.267 | 1.744 | 1.779 | 2.128 |
| BVPS (đồng/cp) | 12.203 | 13.723 | 13.586 | 10.431 |

*Nguồn: FiinPro, ABS Research*

# Khuyến cáo

Báo cáo này được viết và phát hành bởi Trung tâm Phân tích - Công ty Cổ phần Chứng khoán An Bình (ABS). Thông tin trình bày trong báo cáo dựa trên các nguồn được cho là đáng tin cậy vào thời điểm công bố. Các nguồn tin này bao gồm thông tin trên sàn giao dịch chứng khoán hoặc trên thị trường nơi cổ phiếu được phân tích niêm yết, thông tin trên báo cáo được công bố của công ty, thông tin được công bố rộng rãi khác và các thông tin theo nghiên cứu của chúng tôi.

Báo cáo này chỉ nhằm mục đích cung cấp thông tin cho các nhà đầu tư của ABS tham khảo và không mang tính chất mời chào mua hay bán bất kỳ chứng khoán nào được thảo luận trong báo cáo. Các nhà đầu tư nên có các nhận định độc lập về thông tin trong báo cáo, xem xét các mục tiêu đầu tư cá nhân, tình hình tài chính và nhu cầu đầu tư của mình, tham khảo ý kiến tư vấn từ các chuyên gia về các vấn đề quy phạm pháp luật, tài chính, thuế và các khía cạnh khác trước khi tham gia vào bất kỳ giao dịch nào với cổ phiếu của (các) công ty được đề cập trong báo cáo. ABS sẽ không chịu trách nhiệm đối với bất kỳ tổn thất tài chính nào hoặc bất kỳ quyết định nào được thực hiện trên cơ sở thông tin được trình bày trong báo cáo này. Bản báo cáo này là sản phẩm thuộc sở hữu của ABS, người sử dụng không được phép sao chép, chuyển giao, sửa đổi, đăng tải lên các phương tiện truyền thông mà không có sự đồng ý bằng văn bản của ABS.

# Khuyến nghị cổ phiếu

| | |
|---|---|
| **MUA** | Khả năng sinh lời của cổ phiếu từ 15% trở lên |
| **KHẢ QUAN** | Khả năng sinh lời của cổ phiếu nằm trong khoảng từ 8% đến 15% |
| **TRUNG LẬP** | Khả năng sinh lời của cổ phiếu nằm trong khoảng từ -5% đến 8% |
| **KÉM KHẢ QUAN** | Khả năng sinh lời của cổ phiếu nằm trong khoảng từ -15% đến -5% |
| **BÁN** | Khả năng sinh lời của cổ phiếu thấp hơn -15% |

Khuyến nghị đầu tư được đưa ra dựa trên khả năng sinh lời dự kiến của cổ phiếu, được tính bằng tổng của (i) chênh lệch phần trăm giữa giá mục tiêu và giá thị trường tại thời điểm công bố báo cáo, và (ii) tỷ suất cổ tức dự kiến. Trừ khi được nêu rõ trong báo cáo, các khuyến nghị đầu tư có thời hạn đầu tư là 12 tháng.

# Thông tin liên hệ

## Công ty Cổ phần Chứng khoán An Bình

Trụ sở chính: Tầng 16, tòa nhà Geleximco, 36 Hoàng Cầu, Đống Đa, Hà Nội

Điện thoại: (024) 3562 4626

Website: www.abs.vn

## Trung tâm Phân tích

Điện thoại: (024) 3562 4626 – Ext: 151

Email: abs-research@abs.vn

**Nguyễn Thị Thùy Linh - Giám đốc TTPT**

Email: linh.ngthithuy@abs.vn

**Dầu khí, Điện, Hóa chất**

**Lê Thị Kim Huê - Phó Giám đốc**

Email: hue.lethikim@abs.vn

**PTKT và Chiến lược thị trường**

**Đặng Xuân Lưu – Giám đốc**

Email: luu.dangxuan@abs.vn

**Vĩ mô, Tài chính**

**Nguyễn Thị Kỳ Duyên - Chuyên viên**

Email: duyen.nguyenthiky@abs.vn

**PTKT và Chiến lược thị trường**

**Bùi Minh Anh - Chuyên viên**

Email: anh.buiminh@abs.vn

**Bán lẻ, Hàng tiêu dùng**

**Kiều Thị Thanh Thư - Chuyên viên**

Email: thu.kieuthithanh@abs.vn

**Bất động sản, Xây dựng, VLXD**

**Trần Minh Quang – Chuyên viên**

Email: quang.trminh@abs.vn